

TRỞ LẠI GÒ DƯƠNG XUÂN

Trên diễn đàn giaodiemonline tháng 12 có bài phê bình của nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân về PBKH của chúng tôi, trong đó có nêu một số vấn đề cần phải trao đổi tiếp. Với niềm mong muốn tìm ra vị trí Đan Dương lãng chúng tôi mạnh dạn trao đổi với nhà nghiên cứu NĐX một vài vấn đề ở Gò Dương Xuân vậy. Mấu chốt của GTNĐX là qui mô Gò Dương Xuân và Phủ Dương Xuân ở đâu trên gò ấy. Còn những vấn đề khác chỉ là thứ yếu, cũng trao đổi để sáng tỏ, đúng hay sai cũng không tăng giảm độ tin của một công trình khoa học dày công như GTNĐX.

Sau đây là phần trao đổi của chúng tôi với NNC Nguyễn Đắc Xuân:

I. Về ý tứ, xuất xứ bài thơ Nam Khê của Miên Thẩm:

Theo nhà nghiên cứu NĐX thì Miên Thẩm làm bài thơ này khi dừng ngựa bên dòng Suối Tiên ở Gò Dương Xuân (sáng tác năm 1843)(?). Tác giả đã trích nguyên bài “Nam Giao tân lộ” của tác giả Hồ Vĩnh, trong bài viết có giới thiệu bài thơ Nam Khê qua phần dịch thơ của Ngô Văn Chương:

“Chấn ngang núi loạn một khe sâu,

Nhớ tới năm xưa nghỉ vó câu.

Dòng nước tuông hay người đổi khác,

Tiếng xưa vắng vẻ chảy lầu lầu”.

(sđd, tr 220)

Cũng bài thơ ấy, Ngô Văn Phú và Ngô Linh Ngọc phiên âm và dịch thơ như sau:

NAM KHÊ

Loạn sơn thâm xứ nhất khe hoành,

Thập nhị niên tiền, trú mã tình!

Lưu thủy tự tri nhân sự dị,

Sàn viên bất tác tích niên thanh!

Dịch thơ:

Núi sông, dòng suối vượn cao,

Mười hai năm, xuống ngựa chào nhau đây!

Suối dòng biết chuyện đổi thay,

Tiếng reo thuở ấy, ngày nay khác rồi!

(Ngô Văn Phú, Ngô Linh Ngọc, *Thơ Tùng Thiện Vương*, nxb Văn Học, 1991, tr.26)

Hiểu bài thơ và dịch thơ như Ngô Linh Ngọc và nếu bài Nam Khê được sáng tác năm 1843 thì nhà thơ Miên Thẩm trở lại dòng khe (24 tuổi), nhớ lại 12 năm trước (12 tuổi) từng xuống ngựa để chào người thân ở khe này. Cách hiểu và cách vận dụng bài thơ Nam Khê của nhà nghiên cứu NĐX là Miên Thẩm nhớ lại chuyện trên dưới 50 năm trước, Tây sơn từng hoạt động ở gò Dương Xuân có suối Tiên và nhà thơ viết: **Loạn sơn thâm xứ. Ngụy thành Loạn, cương thành sơn** để phù hợp **mả loạn, giếng loạn; thập nhị niên tiên** trở thành **ngũ thập niên tiên**. Nếu thế thì bài thơ chắc gì nói về suối Tiên, chẳng hạn khe Châu Ê có chuyện Nguyễn Văn Thành từng **sửa mộ quá phép** và bị khép tội chết. Đứng bên bờ khe Châu Ê dễ thấy dâu bể cuộc đời, thấy **núi Châu Chử** và tức cảnh bài Nam Khê. Một bài thơ mà hai nhà hiểu và dịch không giống nhau thì không thể làm cứ liệu khoa học! Chỉ có Tùng Thiện Vương mới biết ông **sáng tác năm nào** và nói về **khe nào ở Phú Xuân**. Ngay Chu Thần Cao Bá Quát, bạn thơ của Tùng Thiện Vương, cũng không cho mình **hiểu hết thơ** của Miên Thẩm khi viết những dòng trong lời bạt **Thương Sơn Thi Tập**:

“Ôi, thơ thật khó nói, Quốc công cũng đã biết rồi. Hiện nay lối học khoa cử thâm sâu vào người ta đã mấy trăm năm. Tiếng vang của Phong, Nhã hầu như đã dứt hẳn. Quốc triều ta trị giáo sáng suốt, các tác gia lại nối gót nhau ra đời. Nhưng thói ủy mị yếu ớt còn rơi rớt lại, mấy ai đã vượt ra được. Người yếu thì sa vào thứ tầm thường, dễ dãi; kẻ làm ra thế mạnh lại rơi vào bệnh ăn sống nuốt tươi. Kẻ cậy sức học dồi dào, hý hứng tự đắc, chỉ lăm le vét trăm nhà, thâm tóm mọi thế, thành ra mô phỏng quá nhiều mà phong cốt chưa cao, tô điểm có khéo mà tinh thần không đạt...”

(Ngô Linh Ngọc dịch, *sđd*, tr.11).

II. Về miếu Lê Thánh Tông cũ và mới:

Quốc Sử Quán triều Nguyễn trong ĐNNTC (bản Duy Tân) chép: **“Miếu lễ Lê Thánh Tông**:

Ở phía tả miếu Lịch đại đế vương, hàng năm tế vào tháng trọng xuân và trọng thu, đều vào ngày nhâm sau ngày tế Xã tắc.

Kính xét: Miếu Lê Thánh Tông, hồi (nhà Nguyễn) mới dựng nước vẫn có miếu thờ, sau trải qua loạn lạc bị bỏ, năm Gia Long thứ 8, chọn đất dựng miếu để thờ.” (*QSQTN, ĐNNTC, tập Kinh Sử, bản dịch, NXBTH, tr 34*). Và cũng QSQTN triều Nguyễn chép trong ĐNNTC: “Kỷ Ty, Gia Long năm thứ 8[1809]... Đồi dựng miếu Lê Thánh Tông. Vua cùng bầy tôi bàn rằng: “Nước ta từ triều Lê về trước, tự châu Ô châu Lý vào nam còn là đất Chiêm Thành. Lê Thánh Tông bình được Chiêm Thành, mở đất tới Phú Yên, dời dân đến ở, công mở mang đất đai thực bắt đầu từ đây. Trước kia dựng miếu thờ là để nhớ công, nay nên nhân cũ mà sửa mới

để làm nơi sùng tự. Bèn sai hợp thợ xây dựng, hơn một tháng thì miếu làm xong. Đặt mười người miếu phu, lấy dân Phú xuân sung vào, mỗi năm hai mùa xuân thu lấy ngày nhâm sai quan đến tế” (sđd, tr774). Mới đọc hai đoạn tư liệu trên, chúng tôi cũng hiểu như NNC NĐX, nhưng khi đến ruộng lễ Lê Thánh Tông, gần CBS (Cồn Bông Sứ), ký ức dân gian cho biết vua quan từng đến nơi này tế lễ, lại có tấm bia rùa đội bê thế... thì chúng tôi nghĩ có khả năng “chọn đất dựng miếu” là kiếm đất mới để dựng miếu, “nhân cũ sửa mới” là nhân việc thờ cúng ngày xưa còn chưa trân trọng, cho nên vua Gia Long sửa lại việc tế lễ ở miếu cho đúng điển lễ, xứng với công lớn của vua Lê Thánh Tông hơn. Chúng tôi phải hình thành giả thuyết công tác như thế mới phù hợp với tư liệu thư tịch và tư liệu điền dã. Cơ chi ĐNTLCB chép “nhân nền cũ mà sửa mới” thì khỏi bàn nữa. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ rằng ở CBS không có miếu lễ Lê Thánh Tông thì còn những công trình kiến trúc khác như hàng chục tháp sư, một số lăng mộ của thân vương, đại thần, các phi tần, cơ sở trường bia... Tại sao NNC NĐX không quan tâm? Hồi đến CBS chúng tôi còn thấy tấm bia có rùa đội ở trước ngôi mộ có bia sắc tứ, như họa sĩ Nguyễn Thứ đã vẽ và chúng tôi trích lại ở hình 3 trong PBKH. Ở CBS chồng chất nhiều tầng văn hóa, thậm chí không còn nguyên sơ, nên chúng tôi góp ý với NNCNĐX nên cẩn thận trong việc giám định di vật thu được ở đó. Chúng tôi từng chụp nhiều ảnh di vật ở CBS và từng trình bày trong buổi NNC Nguyễn Đắc Xuân báo cáo ở Sở KHKT – CN Thừa Thiên –Huế, xin trích vài ảnh



Hình 1. Hình chụp viên đá kê cột năm 1987 ở cồn Bông Sứ (Đã mờ)



Hình 2. Hình chụp mảng tường năm 1987 ở cồn Bông Sứ, chứng tỏ có người đã sử dụng giải hạ ở cồn Bông Sứ để xây tường (Đã mờ)

III. Dương Xuân ở đâu? Phủ Dương Xuân ở đâu?

Trong sách “Đi tìm dấu tích CUNG ĐIỆN ĐÀN DƯƠNG sơn lăng của Hoàng đế Quang Trung”, NNC NĐX đã trao đổi với NNC Lê Nguyễn Lưu, với NNC Hồ Tấn Phan, NNC Trần Đại Vinh và với chúng tôi. Nhà nghiên cứu đặt 8 vấn đề cho NNC Hồ Tấn Phan và kết luận: **“Còn rất nhiều chuyện phát sinh từ bài phê bình của anh, nhưng thôi, tôi thiết nghĩ 8 vấn đề trên cũng đã đủ làm cho anh Hồ Tấn Phan phải học thêm, phải mất nhiều thì giờ nghiên cứu nữa để trả lời cho tôi...”** (sdd, tr 343). Và NNC NĐX cũng không quên thúc giục NNC Lê Nguyễn Lưu và chúng tôi đi tìm PDX khi viết: **“Hai anh viết, xin nhắc lại:**

“Phủ Dương Xuân ở đâu? vẫn còn tồn tại như một thách đố. Chúng tôi đề nghị đổi hướng tìm kiếm”.

Xin hai anh cứ đi tìm. Vì hai anh chưa tìm được và có lời đề nghị tìm kiếm. Nhân hai anh phê bình bài của tôi cho nên tôi xin phép có một lời đề nghị với hai anh: Công trình của tôi –theo hai anh coi như đã đổ rồi, vậy để tránh vết xe cũ, hai anh cho tôi được sử dụng lại 8 câu hỏi nêu lên với nhà nghiên cứu Hồ Tấn Phan để hỏi các anh, chỉ xin sửa một chút thôi “thay cho vị trí “Ruộng Phủ” bằng một chỗ X,Y gì đó của hai anh.” (sdd, tr 344). Chúng tôi đã cố gắng trả lời 8 câu hỏi trên trong PBKH đối với GTNĐX. Tuy nhiên NNC NĐX vẫn bảo lưu vị trí PDX ở ấp Bình An trên gò Dương Xuân. Do ĐNNTC chép phía nam gò Dương Xuân có Đền Nam Giao nên NNC cho rằng PDX phải ở giữa CTL và CBS. Làm sáng tỏ vấn đề này sẽ góp phần tìm kiếm Đền Dương lăng đúng hướng hơn.

a. **Cố giáo sư Trần Quốc Vượng, nhà nghiên cứu Nguyễn Phước Bảo Đàn viết về Thành Lỗi trên đồi Dương Xuân:**

Gò đồi ở gần bờ nam sông Hương, trước phủ chúa cung vua, có gò đồi Dương Xuân là lớn nhất. Thường trên gò đồi có làng nào thì lấy tên làng để gọi gò đồi ấy. Trong ÔCCL chưa có tên làng Phú Xuân, làng Bình An, làng Thọ Khương... nhưng đã có tên làng Dương Xuân. Vậy từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 17, gò đồi Dương Xuân có cư dân làng Dương Xuân sinh sống, còn lại là mộ địa, rừng rú. Dần dần trên gò Dương Xuân đã hình thành xã Thọ Khương, nơi các chúa từng xây nhà để quàng linh cửu các chúa, xây Phủ Tập Tượng, và trường luyện voi. Đặc biệt gò Dương Xuân có Thành Lỗi, thành cũ của Chiêm Thành, nửa ở Thủy Xuân, nửa ở Thủy Biều. Trên giaodiemonline, Nguyễn Phước Bảo Đàn trong bài **“Thành Lỗi ở Huế: từ vị trí tọa lạc đến bối cảnh Thuận Hóa buổi đầu”** từng viết (xin phép được trích):

Thành Lỗi hiện nay tọa lạc trên địa phận 2 xã Thủy Xuân, Thủy Biều và một phần của phường Đúc (thành phố Huế), cách trung tâm thành phố khoảng 7km về hướng tây. Toà thành này được xây dựng trên đồi Long Thọ, phía tả ngạn sông Hương. Về mặt hình thể, quả đồi này uốn cong hình móng ngựa mở ra hướng sông

Hương. Con đường Huyền Trân Công Chúa được mở cắt ngang và chia toà thành ra làm hai nữa, tính trên phương vị tây-đông. So với nửa hướng đông, nửa hướng tây còn khá quy chỉnh.

Chếch về hướng tây bắc của toà thành, bên kia sông Hương là chùa Thiên Mụ, xây dựng trên ngọn đồi Hà Khê. Long Thọ Cương-Hà Khê được các nhà địa lý học xem là *toả khâu* thứ nhất của sông Hương-đoạn chảy qua thành phố Huế.

(Nguyễn Phước Bảo Đàn, bđtr (Thành lời ở Huế: từ vị trí tọa lạc đến bối cảnh Thuận Hóa buổi đầu).

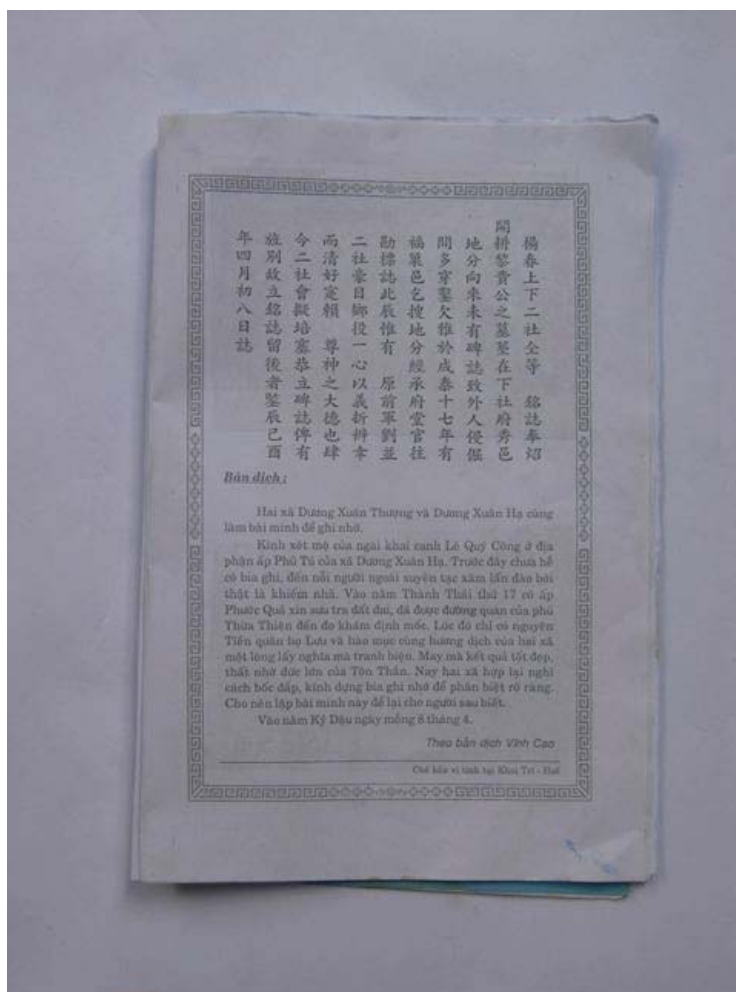
"[...] thành Lôi là một thành Chăm lớn xây dựng trên vùng đồi Dương Xuân Thượng: Lũy Nam 550m, lũy Đông 370m, lũy Tây 350m, lũy Bắc sát với giới hạn xâm thực của sông Hương 750m với đầy đủ hệ thống hào, hệ thống thoát nước..."(Trần Quốc Vượng (1996), *Theo dòng lịch sử - Những vùng đất thân và tâm thức người Việt*, Hà Nội: Nxb. Văn Hoá).

b. Gò Dương Xuân kéo ngang về phía đông tận Phú Cam:

Và về phía đông của gò Dương Xuân có vùng Lâm Lộc, dân các làng Dương Xuân, An Cựu, Phú Xuân có những hoạt động như khai thác, canh tác và mai táng ở đó. Từ 1804, một bộ phận dân làng Phú Xuân được phép của triều đình Gia Long đến lập ấp ở xứ Lâm Lộc, gò Dương Xuân, gồm ấp Trường Giang, Trường Cửi, Bình An. Sườn phía nam gò Dương Xuân có khe, có xứ THẨM KHÊ, nơi dân làng An Cựu và làng Dương Xuân khai phá lập ấp và tạo vùng mộ địa. Xứ PHỦ TÚ (Phước Quả) của làng Dương Xuân Hạ là một bằng chứng về làng Dương Xuân khai phá sườn phía nam gò Dương Xuân cùng với làng An Cựu. Một bằng chứng nữa là mộ ngài khai canh của làng Dương Xuân ở Phước Quả. Chính vì cùng khai phá vùng Lâm Lộc, Thẩm Khê nên các làng thường sang nhượng đất canh tác, làm cho địa giới không rõ ràng, có khi phải tranh tụng. Khoảng năm... các vị chức mục làng Dương Xuân từng thắng trong vụ tranh chấp đất chung quanh ngôi mộ ngài Đô Tổng Binh Thiêm Sự họ Lê, khai canh làng Dương Xuân. Việc này được các cụ khắc lên bia đá, hiện đang lưu giữ ở đình làng Dương Xuân Hạ.



Hình 3. Ảnh chụp mặt bìa duy nhất còn lưu giữ trên bờ thành mặt tiền đình Dương Xuân Hạ



Hình 4. Ảnh chụp phần văn khắc trên bia và phần dịch nghĩa của nhà Hán học Vĩnh Cao, do cụ Lê Văn Hôi (làng Dương Xuân Hạ) cung cấp

Chúng tôi giới thiệu ảnh mặt bia, phần phiên âm, dịch nghĩa văn bia ấy:

Hai xã Dương Xuân Thượng và Dương Xuân Hạ cùng làm bài minh để ghi nhớ.

Kính xét mộ của ngài khai canh Lê Quý Công ở đại phận ấp Phủ Tú của xã Dương Xuân Hạ. Trước đây chưa hề có bia ghi, đến nỗi người ngoài xuyên tạc lẫn đảo bới thật là khiếm nhã. Vào năm Thành Thái thứ 17 có ấp Phước Quả xin sưu tra đất đai, đã được đường quan của phủ Thừa Thiên đến đo khám định mốc. Lúc đó chỉ có nguyên Tiền quân họ Lưu vào hào mục cùng hương dịch của hai xã một lòng lấy nghĩa mà tranh biện. May mà kết quả tốt đẹp, thất nhờ đức lớn của Tôn Thân. Nay hai xã hợp lại nghĩ cách bốc đắp, kính dựng bia ghi nhớ để phân biệt rõ ràng. Cho nên lập bài minh này để lại cho người sau biết.

Vào năm Kỷ Dậu ngày mồng 8 tháng 4.

Theo bản dịch Vĩnh Cao. (Chế bản vi tính tại Khai Trí – Huế)

Như thế, đến thế kỷ 20 thì trên phần phía đông của gò Dương Xuân đã hình thành 3 ấp của làng Phú Xuân, chưa kể thôn Đệ Cửu, Xuân Sơn, nên phần ấy được gọi là gò Phú Xuân. Phần phía nam có ấp Bình An lại có tên gò Bình An, có khi gọi gò Phú Xuân. Còn gò Dương Xuân phần lớn ở phía tây-bắc huyện Hương Thủy, cánh phía đông, sườn phía nam còn xứ Phủ Tú của làng Dương Xuân hạ, cho nên các vị của QSQ triều Nguyễn vẫn coi gò Dương Xuân kéo dài ra phía đông, tận xứ Phủ Tú(Phước Quả) và tất nhiên Đền Nam Giao triều Nguyễn ở về phía nam gò Phú Xuân và cũng ở phía nam gò Dương Xuân (phần phía đông). Điều ấy được minh chứng trên bản đồ NNC NĐX từng trích trong B.A.V.H, chỉ tiếc rằng chưa trích hết. Chúng tôi xin được trích lại cả hai:



Hình 5 Bản đồ bên trái trích từ công trình của N.N.C Nguyễn Đắc Xuân, bản đồ bên phải trích từ sách Nghiên cứu địa bạ Triều Nguyễn Thừa Thiên, tác giả Nguyễn Đình Đầu, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.

Rõ ràng trên bản đồ gốc, phía núi Ngự Bình có ghi xã Dương Xuân Hạ. Khi tìm Phủ Dương Xuân, thấy trên bản đồ có tên Dương xuân thì phải quan tâm, không hiểu vì sao NNC NĐX không để ý phần đất gò Dương Xuân phía đông, kéo đến xứ Thảm Khê? Và phần gò phía nam có Đền Nam Giao?

Cần rà soát tư liệu thư tịch. Chúng tôi xin trở lại phần ghi chép các gò trên trong ĐNNTC:

c. Về cách dịch và hiểu thế nào cho đúng đối với đoạn văn chữ Hán trong ĐNNTC viết về gò Dương Xuân?

Phạm Trọng Diễm dịch trong ĐNNTC, tập Kinh Sư, NXB Thuận Hóa, tr 135:

“GÒ LONG THỌ:

Ở phía tây bắc huyện Hương Thủy, phía bắc kề sông Hương, chênh chếch đối với gò Thiên Mục, khóa giữ thượng lưu sông Hương, nhà địa lý gọi kiểu “thiên quan địa trục” (cửa trời trục đất), tức là đây; trên gò có đình bát giác dựng đầu đời Minh Mệnh.

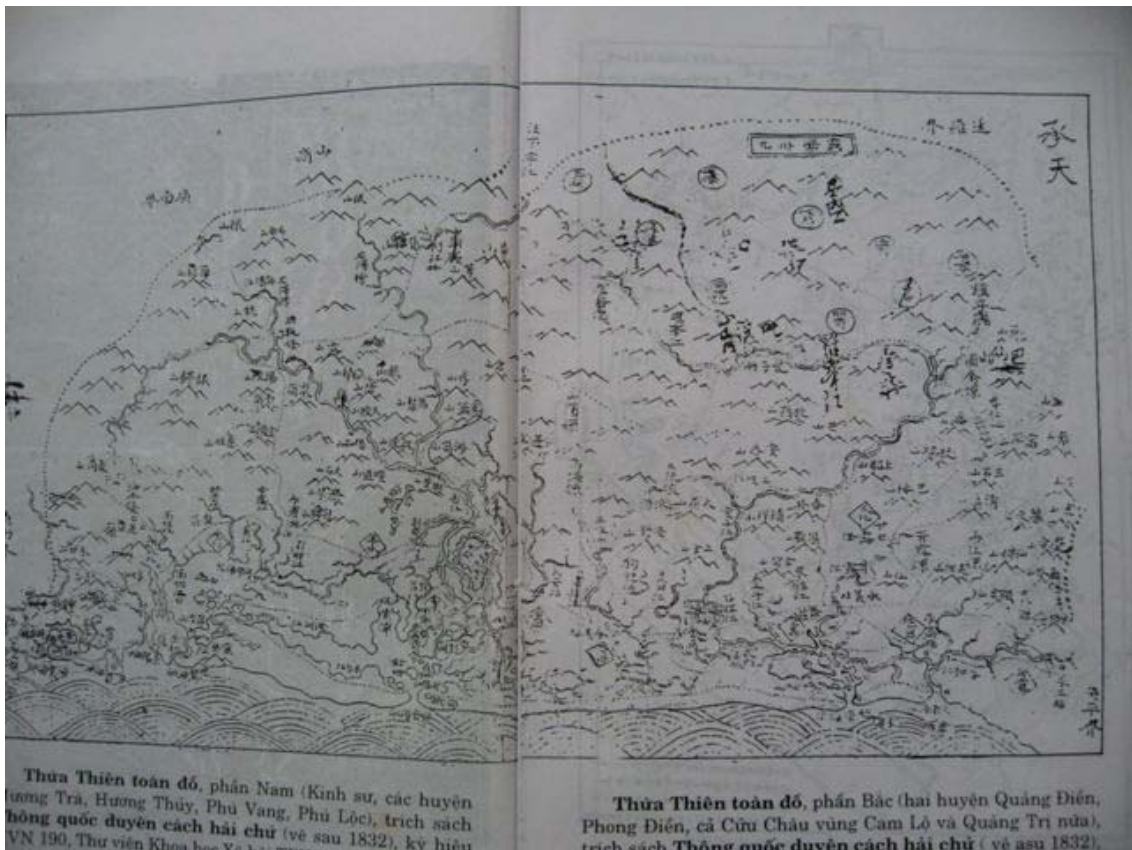
GÒ PHÚ XUÂN:

Ở phía bắc huyện Hương Thủy, có nhiều thắng tích phong cảnh cũng đẹp.

GÒ DƯƠNG XUÂN:

Ở phía tây bắc huyện Hương Thủy, hình thế bằng rộng, ở phía nam có đàn Nam Giao, phía đông phía tây có nhiều chùa to tháp cổ, cũng là nơi danh thắng.

Kính xét: Đầu bản triều dựng phủ ở gò Dương Xuân, đến năm Canh Thìn năm thứ 9 đời Hiến Tông sửa lại, cơ Tả Thủy đào được một quả ấn đồng có khắc chữ “Trần Lỗ tướng quân chi ấn”, nhân đấy gọi phủ là phủ Ấn; sau trải qua loạn lạc, không rõ chỗ đào được ấn là đâu.



Hình 6 Ảnh chụp bản từ sách Nghiên cứu địa bạ Triều Nguyễn Thừa Thiên của Nguyễn Đình Đầu

Nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân vừa dịch vừa nhấn mạnh:

“**GÒ DƯƠNG XUÂN**. Ở phía tây bắc huyện (Hương Thủy) 15 dặm; thế gò bằng phẳng rộng rãi, chỗ cao chỗ thấp, la liệt **dài dặc độ vài dặm; phía nam gò có đàn Nam Giao (NĐX nhấn mạnh)**, phía tây có nhiều danh-lam-cổ-sát, cũng xứng là nơi giai thắng.

Cẩn án: Lúc đầu bản triều khai quốc có dựng phủ ở gò Dương Xuân này. Đòi vua Hiến Tôn năm Canh Thìn thứ 9 (1700) trùng tu, cơ Tả Thủy, đào đất một cái ấn đồng có khắc chữ: “Trần Lỗ Tướng Quân chi ấn” là ấn của Trần Lỗ Tướng Quân, nhân đó đặt tên phủ là Ấn phủ. Từ sau khi bị binh hỏa đến nay, chỗ ấy mất tích không biết ở vào chỗ nào” (Tự kinh binh loạn kim thất kỳ xứ)...”(sdd, tr76).

Tư liệu chữ Hán cần rà soát câu chữ, dù có ảnh chụp cũng phiên âm và dịch nghĩa:

Phiên âm:

“DƯƠNG XUÂN CƯƠNG:

Tại huyện tây bắc thập ngũ lý, cương thế bình khoáng, khởi phục la liệt, **diên cảnh số lý hứa kỳ nam.**

Nam Giao đàn tại yên, kỳ tây đa danh lam cổ sát, diệc xung giai thắng.

Cần án. Dương Xuân cương, quốc sơ kiến phủ ư thử, Hiễn Tôn Canh Thìn cửu niên trùng tu Tả Thủy cơ khuất địa đắc nhất đồng án hữu văn viết “Trần Lỗ Tướng Quân chi ấn”, nhân danh Ấn phủ. Tự kinh binh loạn kim thất kỳ xứ.”

Dịch nghĩa: “Gò Dương Xuân ở về phía tây bắc huyện [Hương Thủy] 15 dặm. Gò hình thế bằng phẳng và rộng rãi, lên xuống nhấp nhô, kéo dài gần vài dặm về phía nam. Đàn Nam Giao ở về phía ấy (của gò). Phía tây của gò có nhiều danh lam chùa cổ...”



Hình 7 Ảnh chụp trang sách chữ Hán "Đại Nam Nhất Thống Chí", Quốc Sử Quán triều Nguyễn (Bản Duy Tân), ghi chép về Long Thọ cương, Phú Xuân cương, Dương Xuân cương.

Xem văn bản 南, dòng 3 và 7, cột 5 có hai chữ NAM (南), giữa hai chữ để hở 3 dòng; NAM (南) trên là của cụm DIÊN CẢNG SỔ LÝ HỨA KỲ NAM (kéo dài gần vài dặm về phía nam) và NAM (南) dưới là của NAM GIAO ĐÀN TẠI YÊN (Đàn Nam Giao ở phía ấy).

SỔ (數) (một vài), LÝ (里) (dặm), HỨA (許) (vào khoảng) (theo Từ Hải là “ước kê số lượng chi từ”).

崗勢平曠起伏羅列延亘數里許其南 南郊壇在焉

CƯƠNG THẾ BÌNH KHOÁNG KHỞI PHỤC LA LIỆT, DIÊN CẢNG SỔ LÝ HỨA KỲ NAM. NAM GIAO ĐÀN TẠI YÊN.

Như thế đoạn văn trên nói “kéo dài gần vài dặm về phía nam” là nói khoảng cách theo chiều bắc –nam, chứ không nói khoảng cách theo chiều đông-tây của gò Dương Xuân. Phải chăng nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân đã ngắt

câu chưa đúng, hiểu chưa sát đoạn văn cổ nói về gò Dương Xuân, dùng bản đồ chưa kỹ, dẫn đến việc sử dụng tư liệu lịch sử chưa phù hợp với thực địa?

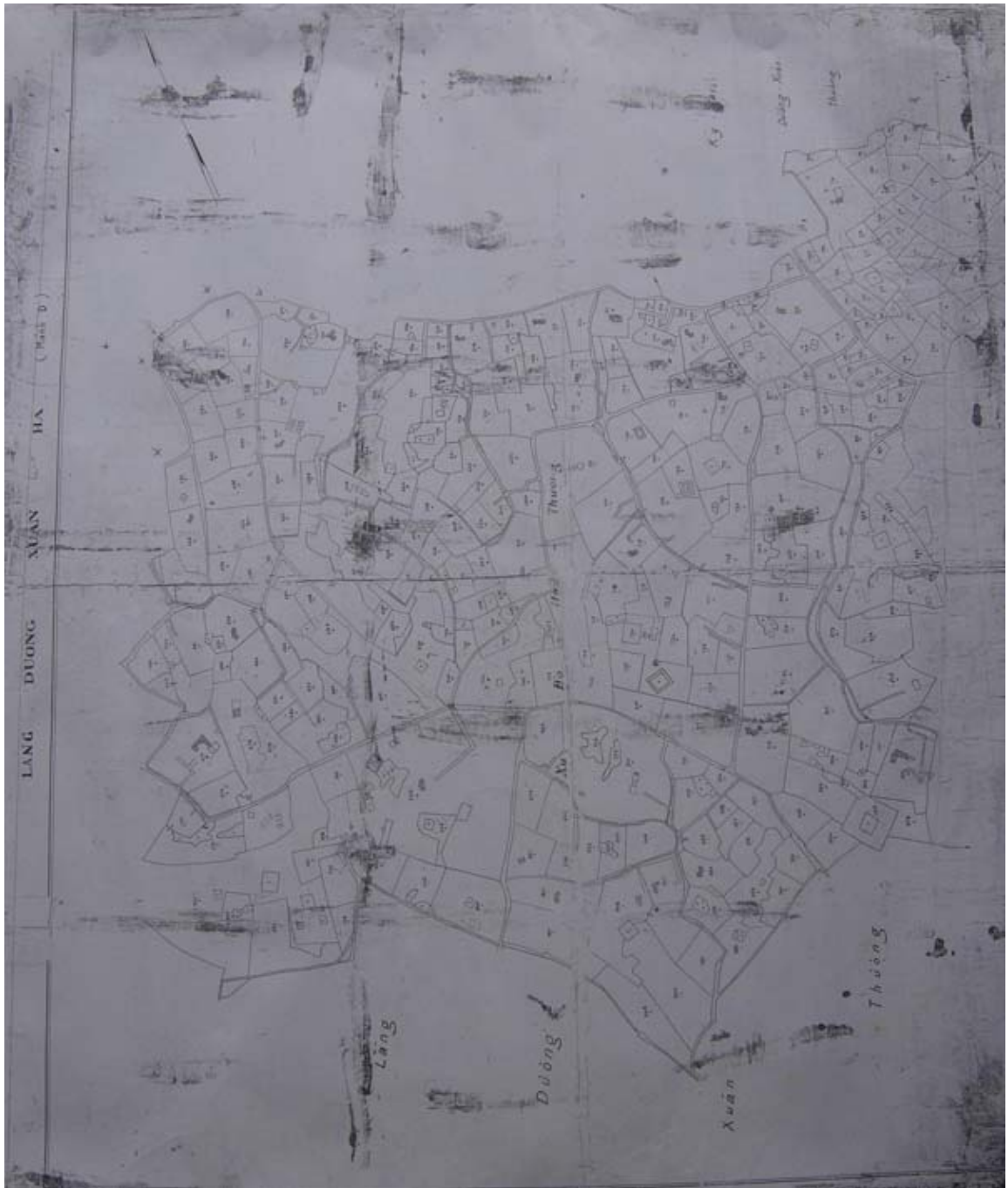
Như thế thì chúng ta không thể không trở lại Bàu Vá – Dương Xuân để tìm Phủ Dương Xuân. Phủ Dương Xuân không phải là nơi mà chúa Nguyễn Phúc Chu tôn tạo (năm Canh Thìn 1700) để tu học vào các tháng mùa đông, gần chùa Ấn Tôn, chùa Thiên Lâm, chùa Tuệ Lâm (với các tháp sư vây quanh) mà là nơi chúa trực tiếp coi sóc việc huấn luyện quân sự của các binh chủng. Thật vậy chúa cho mở trường súng để tập bắn súng nhỏ, mở pháo trường để tập bắn súng lớn, mở trường diễn ngựa để luyện kỵ binh, mở sở luyện voi ở bãi Phú Xuân (bờ nam sông Hương, trước cồn Dã Viên) và trên gò Thọ Khương để luyện tượng binh... Riêng trường súng ở phía sau phủ như ĐNLTB đã chép làm chúng tôi phải chú ý đình Dương Xuân Hạ. Đình Dương Xuân Thượng có trước, gần nhà thờ Phủ Thọ Đức. Còn Đình Dương Xuân Hạ được dựng khoảng năm 1914, trên nền móng cũ của Đền Vũ Sư. Đền Vũ Sư lại dựng trên nền cũ của một công trình có nhà tả vu, hữu vu, phía trước có hồ bán nguyệt mà bờ hồ có kè đá. Lượng đá để làm móng và hồ tính ra rất lớn, chưa kể đá lát nền, đá kê cột... là một di tích cho phép chúng tôi đặt giả thuyết về PDX trong bài PBKH đối với GTNĐX. Trước hồ bán nguyệt có dấu vết ao vuông, có khe Triều Tiên (Xem ảnh chụp từ vệ tinh, hình 10). Sau đây là ảnh chụp những di vật ở Đình Dương Xuân Hạ, trong đó lộ rõ phong cách tạo tác thời chúa Nguyễn và thời vua Minh Mạng. Rất mong các vị thức giả gần xa và nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân quan tâm những vấn đề chúng tôi đã nêu trong bài viết này.

Chúng tôi trông chờ sự đóng góp ý kiến của quý vị.

Huế, ngày 8 tháng 12 năm 2007.

Trần Viết Điền

PHU LUC



Hình 8. Ảnh chụp bản đồ giải thửa làng Dương Xuân Hạ



Hình 9 Bản đồ giải thửa làng Dương Xuân Hạ (Xứ Bộ Hòa Thượng, Xứ Phủ Tú)



Hình 10. Toàn cảnh Điện Trường Lạc, Diễn Mã Trường, Đền Vũ Sư (Có khả năng tiền thân của đền Vũ Sư là phủ Dương Xuân) chụp từ Vệ Tinh. Dấu tích hồ Bán Nguyệt, Ao Vuông còn khá rõ.

Hình 11. Đá tảng, đá kê cột của đền Vũ Sư



Hình 12. Đá tảng, đá kê cột của đền Vũ Sư

Hình 13. Gạch bìa thời chúa Nguyễn còn có mặt trong sân đình Dương Xuân Hạ.





Hình 14 Đá lát còn dính gạch, vữa của đền Vũ Sư

Hình 15 Đá lát, đá kê cột của đền Vũ Sư



Hình 16 Đá lát, đá kê cột của đền Vũ Sư

Hình 17 Cột rồng đắp nổi, xây bằng gạch vồ thời Minh Mạng (đầu rồng) và gạch mỏng thời chúa Nguyễn (lưng và đuôi) ở bên trái các bậc thềm lên đình DXH.



Hình 18 Biển chạm nổi “Diễn Mã Tường” (Kiểu thức hóa, khi xây dựng đền Vũ Sư người ta lưu giữ trong đền để kỷ niệm công trình tiên thân của đền Vũ Sư)

Hình 19 Những viên đá lát của đền Vũ Sư được tận dụng để xây dựng đình Dương Xuân Hạ





Hình 20 Đá lát đền Vũ Sư



Hình 21 Đá kê cột



Hình 22 Bình phong Long Mã, trước Đình Dương Xuân Hạ, có phong cách giống bình phong Long Mã, phía sau phủ Công Lương (Nhà do Vua Gia Long cấp cho Quốc Thúc Nguyễn Phúc Thăng). Gạch xây bình phong thuộc loại gạch mỏng thời chúa Nguyễn.